

Số: /2024/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về việc thực hiện công tác cán bộ
đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị
thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước;

Thực hiện Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội về quản lý cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2375/TTr-SNV ngày 09 tháng 7 năm 2024 về việc ban hành Quyết định ban hành Quy định về việc thực hiện công tác cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về việc thực hiện công tác cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024; thay thế Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức lãnh đạo quản lý, người quản lý doanh nghiệp, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- VPUBNDTP: Các PCVP; TH, NC;
- Trung tâm Thông tin điện tử Thành phố;
- Lưu: VT, SNV (10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Sỹ Thanh

QUY ĐỊNH

Về việc thực hiện công tác cán bộ đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý
tại các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác, miễn nhiệm, cho từ chức và bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi miễn nhiệm, từ chức (sau đây viết tắt là công tác cán bộ) đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý, người quản lý doanh nghiệp, cử người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là cán bộ lãnh đạo, quản lý) thuộc thẩm quyền quản lý, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (sau đây viết tắt là Thủ trưởng sở, ban, ngành), Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã theo phân cấp, bao gồm:

1. Các chức danh quản lý doanh nghiệp, người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Thành phố, gồm:

a) Thành viên Hội đồng thành viên, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên các Tổng công ty trực thuộc Thành phố;

b) Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty TNHH một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn trực thuộc Thành phố;

c) Người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Các chức danh thuộc sở, ban, ngành, tổ chức hành chính khác, gồm:

a) Chi cục trưởng, Trưởng ban, Trưởng phòng, Trưởng đơn vị đặc thù, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; Trưởng phòng thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Chánh Văn phòng Sở; Chánh Thanh tra Sở; Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc; Trưởng phòng thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc; Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (sau đây viết tắt là Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, ban, ngành);

b) Phó Chi cục trưởng, Phó Trưởng Ban, Phó Trưởng phòng, Phó Trưởng đơn vị đặc thù, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; Phó Trưởng phòng thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Phó Chánh Văn phòng Sở; Phó Chánh Thanh tra Sở; Phó Trưởng phòng thuộc Ban Dân tộc; Phó Trưởng phòng thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc; Phó Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (sau đây viết tắt là Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, ban, ngành);

c) Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục, Ban, đơn vị đặc thù thuộc sở; Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc sở, đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

d) Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục, Ban, đơn vị đặc thù thuộc sở; Phó trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc sở, đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Các chức danh thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:

a) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng phòng, Chánh Thanh tra, Đội trưởng Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị, người đứng đầu tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây viết tắt là Trưởng phòng và tương đương thuộc huyện);

b) Phó Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Phó Trưởng phòng, Phó Chánh Thanh tra, Phó Đội trưởng Đội quản lý trật tự xây dựng đô thị, cấp phó của người đứng đầu tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau đây viết tắt là Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc huyện);

c) Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

d) Phó trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 2. Từ ngữ viết gọn và giải thích

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây viết gọn và giải thích như sau:

1. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội, Ban Quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc, các tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố (sau đây viết tắt là sở, ban, ngành).

2. Đơn vị trực thuộc là Chi cục và tương đương trực thuộc Sở; Đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ là Sở Nội vụ; Văn phòng sở, phòng tổ chức cán bộ hoặc tổ chức tương đương có chức năng tham mưu về công tác tổ chức cán bộ thuộc sở, ban, ngành, doanh nghiệp; phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

4. Đơn vị đặc thù: là những đơn vị không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập.

Chương II BỔ NHIỆM

Điều 3. Nguyên tắc bổ nhiệm

Thực hiện theo quy định tại điều 17, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định theo thẩm quyền; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, khách quan, công khai, minh bạch, phát huy đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên và người đứng đầu.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện, phẩm chất, đạo đức, năng lực, sở trường và uy tín của người được xem xét thực hiện quy trình bổ nhiệm; đồng thời, xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Bảo đảm sự ổn định, kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

4. Không thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với các trường hợp đang bị xem xét, xử lý kỷ luật.

Điều 4. Trách nhiệm và thẩm quyền bổ nhiệm

Thực hiện theo quy định tại điều 18, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

Trong phạm vi thẩm quyền theo quy định phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp, người đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là phân cấp quản lý cán bộ) của Ủy ban nhân dân Thành phố:

1. Tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị đề xuất nhân sự và đánh giá, nhận xét nhân sự được đề xuất.

2. Tập thể cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thảo luận, đánh giá, nhận xét cán bộ lãnh đạo, quản lý, quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Cá nhân, tập thể đề xuất; cơ quan thẩm định; tập thể quyết định cán bộ lãnh đạo, quản lý theo thẩm quyền phải chịu trách nhiệm về đề nghị, thẩm định, quyết định của mình. Cụ thể:

a) Cá nhân, tập thể đề xuất: Thực hiện việc công khai tài sản, thu nhập của nhân sự dự kiến bổ nhiệm theo quy định. Chịu trách nhiệm chính trước cấp có thẩm quyền về nhận xét, đánh giá, phẩm chất đạo đức, lối sống; năng lực công tác, ưu, khuyết điểm... và ý kiến đề xuất của mình;

Nhân sự dự kiến được bổ nhiệm chịu trách nhiệm chính về kê khai tài sản, thu nhập...

b) Cơ quan thẩm định: Chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định, thẩm tra, rà soát thông tin đối với nhân sự được đề xuất theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình;

c) Tập thể quyết định cán bộ lãnh đạo, quản lý: Chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình trong bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Điều 5. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm chung

Thực hiện theo quy định tại các điều: 4, 5, 6, 7, 8, 9, Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; điều 46, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; khoản 7, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và điều 19, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Về chính trị, tư tưởng

a) Trung thành với lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc và nhân dân; kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, mục tiêu, lý tưởng về độc lập dân tộc, chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng;

b) Có lập trường, quan điểm, bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên quyết đấu tranh bảo vệ Cương lĩnh, đường lối của Đảng, Hiến pháp và pháp luật;

c) Có tinh thần yêu nước, đặt lợi ích của Đảng, của quốc gia, dân tộc, nhân dân, tập thể lên trên lợi ích cá nhân;

d) Chấp hành sự phân công của cơ quan, tổ chức; tuân thủ kỷ luật phát ngôn theo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng và pháp luật.

2. Về đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật

a) Có phẩm chất đạo đức trong sáng, mẫu mực; lối sống trung thực, khiêm tốn, chân thành, giản dị; có tinh thần cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; không tham nhũng, vụ lợi; không để người thân, người quen lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để trục lợi;

b) Có trách nhiệm cao với công việc;

c) Có tinh thần đoàn kết, gương mẫu; có khả năng sử dụng, trọng dụng người có tài năng, hướng dẫn, giúp đỡ đồng chí, đồng nghiệp; quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho công chức, viên chức, người lao động;

d) Tích cực đấu tranh ngăn chặn các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lối sống cơ hội, bè phái, lợi ích nhóm;

đ) Tuân thủ và thực hiện nghiêm nguyên tắc tổ chức, kỷ luật, nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình; thực hiện các quy định, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi công tác; báo cáo đầy đủ, trung thực với cấp trên; cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, khách quan khi có yêu cầu; thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập theo quy định.

3. Về trình độ

a) Tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác theo quy định của cấp có thẩm quyền;

b) Về lý luận chính trị:

Có bằng tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị trở lên hoặc có giấy xác nhận tương đương trình độ trung cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền: Áp dụng đối với các chức vụ, chức danh tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Quy định này (trừ các chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện; Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện);

c) Về quản lý nhà nước, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp:

Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương trở lên đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý là công chức, viên chức; chứng chỉ bồi dưỡng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp theo quy định của ngành, lĩnh vực đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý là viên chức;

d) Có trình độ ngoại ngữ phù hợp với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý theo quy định hoặc sử dụng được tiếng dân tộc thiểu số đối với trường hợp vị trí việc làm liên quan trực tiếp đến người dân tộc thiểu số hoặc vị trí việc làm công tác tại vùng dân tộc thiểu số. Việc xác định trình độ ngoại ngữ và các trường hợp có văn bằng, chứng chỉ được xác định tương đương thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Về năng lực và uy tín

a) Có tư duy đổi mới, phương pháp làm việc khoa học; có năng lực tổng hợp, phân tích và dự báo;

b) Nắm vững các nội dung về quản lý nhà nước, quy định của pháp luật thuộc ngành, lĩnh vực; có khả năng phát hiện hạn chế, bất cập trong thực tiễn và đề xuất giải pháp tháo gỡ;

c) Có năng lực triển khai thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và tổ chức thực hiện quy định của pháp luật;

d) Có khả năng quy tụ và phát huy sức mạnh tổng hợp của tập thể, cá nhân; năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; có thành tích nổi trội, có sản phẩm cụ thể trong quá trình công tác phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm;

đ) Có năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện công tác chuyên môn.

5. Về sức khỏe, độ tuổi, thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể

a) Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

b) Bảo đảm tuổi bổ nhiệm; được quy hoạch vào chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm hoặc chức vụ, chức danh tương đương trở lên theo quy định;

c) Có thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể trong quá trình công tác; trường hợp bổ nhiệm nhân sự từ nguồn bên ngoài thì thành tích, kết quả, sản phẩm cụ thể phải bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm.

6. Có kinh nghiệm thực tiễn, thời gian công tác phù hợp

a) Trường hợp bổ nhiệm từ nguồn nhân sự tại chỗ

Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác có đơn vị cấu thành: Bảo đảm đã kinh qua chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý của đơn vị cấu thành; thời gian giữ chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm hoặc chức vụ, chức danh tương đương liền kề với chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm tối thiểu là 02 năm (24 tháng), nếu không liên tục thì được cộng dồn (chỉ cộng dồn đối với thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương);

Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác không có đơn vị cấu thành: Bảo đảm thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực tương ứng với từng chức vụ, chức danh cụ thể theo quy định;

b) Trường hợp bổ nhiệm nhân sự từ nguồn bên ngoài

Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác không có đơn vị cấu thành hoặc trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác có đơn vị cấu thành và dự kiến bổ nhiệm tại cơ quan, tổ chức không có đơn vị cấu thành: Bảo đảm thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực tương ứng với từng chức vụ, chức danh cụ thể theo quy định;

Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác có đơn vị cấu thành và dự kiến bổ nhiệm tại cơ quan, tổ chức có đơn vị cấu thành: Bảo đảm thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương liền kề với chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm theo quy định tại điểm a khoản này hoặc bảo đảm thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực tương ứng với từng chức vụ, chức danh cụ thể theo quy định;

c) Trường hợp trước khi bổ nhiệm đã có thời gian giữ chức vụ, chức danh được xác định là chức vụ, chức danh bằng, tương đương hoặc cao hơn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm thì thời gian đó được tính vào thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương liền kề với chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm để cộng dồn; không áp dụng đối với trường hợp bị cách chức, giáng chức;

Trường hợp bổ nhiệm lần đầu tại cơ quan, tổ chức có đơn vị cấu thành mà trước đó đã có thời gian công tác tại đơn vị cấu thành thì thời gian công tác tại đơn vị cấu thành được tính vào thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực, bảo đảm tổng thời gian công tác không thấp hơn tổng thời gian tối thiểu giữ các chức vụ, chức danh dưới chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm;

đ) Trường hợp đặc biệt (về độ tuổi, kinh nghiệm thực tiễn, bổ nhiệm vượt cấp, quy hoạch) do Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định.

7. Một số trường hợp đặc thù áp dụng tiêu chuẩn chức danh khi bổ nhiệm

a) Trường hợp bổ nhiệm nhân sự từ nguồn bên ngoài thì không nhất thiết phải bảo đảm tiêu chuẩn đã kinh qua vị trí chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý ở vị trí cấp dưới trực tiếp tại cơ quan, tổ chức, đơn vị dự kiến bổ nhiệm;

b) Trường hợp đang công tác trong lực lượng vũ trang, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức khác trong hệ thống chính trị được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước thì phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Quy định này nhưng không phải đáp ứng ngay tiêu chuẩn về quản lý nhà nước theo quy định của chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm. Đối với các trường hợp này phải hoàn thiện tiêu chuẩn trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định bổ nhiệm.

8. Công chức, viên chức, người quản lý doanh nghiệp bị kỷ luật thì không bổ nhiệm vào chức vụ cao hơn chức vụ khi bị kỷ luật trong khoảng thời gian như sau (tính từ ngày quyết định kỷ luật có hiệu lực):

- a) 12 tháng đối với hình thức kỷ luật Khiển trách;
- b) 30 tháng đối với hình thức kỷ luật Cảnh cáo;
- c) 60 tháng đối với hình thức kỷ luật Cách chức.

Điều 6. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể

Thực hiện theo quy định tại các điều: 27, 28, 31, 32 Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ và cụ thể hóa điều kiện đối với từng đối tượng cán bộ lãnh đạo, quản lý, cụ thể:

Ngoài những tiêu chuẩn, điều kiện chung đã nêu ở Điều 5 của Quy định này, mỗi chức danh còn có những tiêu chuẩn, điều kiện như sau:

1. Đối với các chức danh quy định tại khoản 1, Điều 1 của Quy định này:

- a) Không đồng thời là cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;
- b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty (nếu có).

2. Đối với các chức danh quy định tại khoản 2, khoản 3, Điều 1 của Quy định này:

- a) Đáp ứng các yêu cầu tại Bản mô tả và Khung năng lực của vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với chức danh được bổ nhiệm (bao gồm cả tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm);

Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên 02 năm liên tục trước khi được đề nghị bổ nhiệm;

b) Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Sở:

- Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, ban, ngành: Ngoài tiêu chuẩn tại điểm a khoản này, còn phải đáp ứng tiêu chuẩn đang giữ chức vụ Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở hoặc chức vụ, chức danh tương đương theo quy định của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ. Trường hợp không giữ chức vụ thì phải có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 05 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc);

- Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, ban, ngành: Ngoài tiêu chuẩn tại điểm a khoản này, còn phải đáp ứng tiêu chuẩn đang giữ chức vụ Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục thuộc Sở hoặc chức vụ, chức danh tương đương theo quy định của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ. Trường hợp không giữ chức vụ thì phải có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc);

- Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục, Ban thuộc sở; Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc sở, đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố: Ngoài tiêu chuẩn tại điểm a khoản này, còn phải đáp ứng tiêu chuẩn đang giữ chức vụ Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục, Ban thuộc sở; Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc sở, đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc chức vụ, chức danh tương đương theo quy định của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ. Trường hợp không giữ chức vụ thì phải có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 04 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc);

- Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục, Ban thuộc sở; Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc sở, đơn vị sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố: Ngoài tiêu chuẩn tại điểm a khoản này, còn phải đáp ứng tiêu chuẩn có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc);

c) Đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Trưởng phòng và tương đương thuộc huyện: Ngoài tiêu chuẩn tại điểm a khoản này, còn phải đáp ứng tiêu chuẩn đang giữ chức vụ Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc huyện hoặc chức vụ, chức danh tương đương theo quy định của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ. Trường hợp không giữ chức vụ thì phải có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 04 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc);

- Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc huyện: Ngoài tiêu chuẩn tại điểm a khoản này, còn phải đáp ứng tiêu chuẩn có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc);

- Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ngoài tiêu chuẩn tại điểm a khoản này, còn phải đáp ứng tiêu chuẩn đang giữ chức vụ Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc chức vụ, chức danh tương đương theo quy định của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ. Trường hợp không giữ chức vụ thì phải có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc);

- Phó trưởng phòng và tương đương thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Ngoài tiêu chuẩn tại điểm a khoản này, còn phải đáp ứng tiêu chuẩn có thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực từ đủ 02 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc).

Điều 7. Thời hạn giữ chức vụ

Thực hiện theo quy định tại điều 41, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 23, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 27, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và điều 20, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Thời hạn giữ chức vụ cho mỗi lần bổ nhiệm là 5 năm (60 tháng) đối với các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị và doanh nghiệp nhà nước và theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đối với người đại diện quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Thời hạn bổ nhiệm giữ chức vụ dưới 5 năm áp dụng đối với một số chức vụ đặc thù theo quy định riêng.

3. Thời hạn giữ chức vụ không quá hai nhiệm kỳ liên tục (từ 08 năm trở lên) ở cùng một địa phương, cơ quan, đơn vị được áp dụng đối với một số chức danh theo quy định của Đảng, pháp luật chuyên ngành và cơ quan có thẩm quyền.

Điều 8. Quy trình bổ nhiệm

Thực hiện theo quy định tại điều 46, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 25, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 29, điều 45, điều 47, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; khoản 8, khoản 9, khoản 28, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và điều 21, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm phải được thực hiện theo đúng Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Trung ương, của Thành phố và quy định nêu tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này, cụ thể:

a) Phụ lục 1. Quy trình bổ nhiệm các chức danh người quản lý doanh nghiệp nhà nước, kiểm soát viên, cử người đại diện quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Phụ lục 2. Quy trình bổ nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các đơn vị thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

c) Phụ lục 3. Quy trình bổ nhiệm trưởng phòng, phó trưởng phòng, ban và tương đương, người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

2. Khi cần thiết, cơ quan có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm gấp, trao đổi ý kiến hoặc ủy quyền cho Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ gấp, trao đổi ý kiến với nhân sự trước khi quyết định.

3. Lãnh đạo Sở, ban, ngành chủ động phối hợp, trao đổi ý kiến (bằng văn bản) với Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy về công tác cán bộ (bổ nhiệm, miễn nhiệm, đình chỉ chức vụ...) đối với chức danh người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của ngành dọc cấp trên mà tổ chức đảng trực thuộc quận, huyện, thị ủy quản lý và ngược lại.

Điều 9. Bổ nhiệm trong trường hợp khác

Thực hiện theo quy định tại điều 47, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 26, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 33, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và khoản 10, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ, cụ thể:

1. Bổ nhiệm trong trường hợp thành lập mới, hợp nhất, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình tổ chức:

a) Trường hợp thành lập mới đơn vị: Cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm căn cứ theo Đề án nhân sự đã được phê duyệt và đề xuất của Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ;

b) Trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình tổ chức của cơ quan, tổ chức mà chức vụ cán bộ lãnh đạo, quản lý đang giữ ở cơ quan, tổ chức cũ tương đương hoặc cao hơn chức vụ dự kiến đảm nhiệm ở cơ quan, tổ chức mới hoặc trường hợp đổi tên cơ quan, tổ chức thì cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm mà không phải thực hiện quy trình bổ nhiệm; thời hạn bổ nhiệm tính theo quyết định bổ nhiệm cũ;

Trường hợp thời hạn bổ nhiệm còn dưới 02 năm thì cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm theo quy định tại điểm này hoặc bổ nhiệm theo quy định tại điểm c khoản này;

c) Trường hợp hợp nhất, sáp nhập, chia tách, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình tổ chức của cơ quan, tổ chức mà chức vụ cán bộ lãnh đạo, quản lý đang giữ ở cơ quan, tổ chức cũ thấp hơn chức vụ cán bộ lãnh đạo, quản lý dự kiến đảm nhiệm ở cơ quan, tổ chức mới thì việc bổ nhiệm được thực hiện theo quy trình bổ nhiệm đối với nguồn nhân sự từ nơi khác. Trường hợp chưa có tập thể lãnh đạo của cơ quan, đơn vị tiếp nhận hoặc không còn tập thể lãnh đạo nơi cán bộ lãnh đạo, quản lý đang công tác thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm căn cứ Đề án đã được phê duyệt, trình của Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ để quyết định bổ nhiệm;

d) Trường hợp sáp nhập, tổ chức lại, chuyển đổi mô hình tổ chức của cơ quan, tổ chức mà cán bộ lãnh đạo, quản lý tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 02 năm thì việc bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này.

2. Cấp có thẩm quyền bổ nhiệm chủ trì hoặc ủy quyền chủ trì thực hiện quy trình bổ nhiệm đối với các trường hợp sau:

a) Bổ nhiệm người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức mới được thành lập;

b) Trường hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm mà thời điểm đó cơ quan, tổ chức chỉ có 01 lãnh đạo là người đứng đầu hoặc là cấp phó của người đứng đầu hoặc khuyết vị trí lãnh đạo hoặc thực hiện quy trình bổ nhiệm lãnh đạo là người đứng đầu;

c) Trường hợp thực hiện quy trình bổ nhiệm mà thời điểm đó nội bộ lãnh đạo cơ quan, tổ chức mất đoàn kết, nhiều người vi phạm kỷ luật, nếu thực hiện quy trình bổ nhiệm sẽ thiếu khách quan;

d) Trường hợp vì thiên tai, tai nạn hoặc vì các lý do bất khả kháng khác mà cơ quan, tổ chức không còn người lãnh đạo, quản lý;

Người chủ trì có quyền bỏ phiếu tại các bước theo quy định.

3. Trường hợp cơ quan, tổ chức chưa kiện toàn người đứng đầu, căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm việc giao quyền hoặc giao phụ trách cơ quan, tổ chức cho đến khi bổ nhiệm người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Thời gian giao quyền, giao phụ trách không tính vào thời gian giữ chức vụ khi bổ nhiệm.

4. Trường hợp các cơ quan, tổ chức thực hiện thí điểm thi tuyển chức danh viên chức quản lý hoặc thực hiện các nội dung khác theo chủ trương của Đảng thì quy trình bổ nhiệm thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 10. Hồ sơ bổ nhiệm

Thực hiện theo quy định tại điều 48, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; điều 48, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 29, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 48, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; khoản 11, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và Phụ lục 2 ban hành kèm theo Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Hồ sơ (02 bộ) nhân sự bổ nhiệm phải được kê khai trung thực, chính xác, đầy đủ nội dung nêu tại các mục và phải được cấp có thẩm quyền xác nhận hoặc chứng thực theo quy định, bao gồm:

a) Tờ trình về việc bổ nhiệm do người đứng đầu cơ quan, tổ chức ký (đối với trường hợp trình cấp trên có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm); hoặc do người đứng đầu Cơ quan phụ trách về công tác tổ chức cán bộ ký (đối với trường hợp người đứng đầu cơ quan, tổ chức quyết định);

b) Bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu kèm theo biên bản kiểm phiếu ở các bước trong quy trình bỏ nhiệm;

c) Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai theo mẫu 2C/TCTW-98, được cơ quan trực tiếp quản lý xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4 cm x 6 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng (đối với người quản lý doanh nghiệp áp dụng theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV);

d) Bản tự kiểm điểm 3 năm công tác gần nhất;

đ) Đánh giá, nhận xét của chi bộ, đảng ủy cơ quan nơi công tác; đánh giá, nhận xét trong 03 năm gần nhất của tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị về phẩm chất đạo đức, lối sống, ý thức tổ chức kỷ luật, đoàn kết nội bộ, năng lực công tác, kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao (trong đó phải thể hiện rõ sản phẩm cụ thể, thành tích trong công tác), hạn chế, khuyết điểm, vi phạm (nếu có), uy tín và triển vọng phát triển;

e) Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chi ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú;

g) Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo quy định;

h) Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định;

i) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh bỏ nhiệm. Trường hợp nhân sự có bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp thì phải được công nhận tại Việt Nam theo quy định;

k) Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng;

l) Bản sao: Khen thưởng (Bằng khen trở lên), quyết định kỷ luật (nếu có);

m) Biên bản họp các hội nghị.

2. Cơ quan tham mưu tổ chức của đơn vị có nhân sự được xem xét đề nghị bỏ nhiệm chịu trách nhiệm lập hồ sơ trình bỏ nhiệm. Trường hợp do cấp trên có thẩm quyền dự kiến điều động, bỏ nhiệm từ nguồn ngoài cơ quan đơn vị thì Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với cơ quan, đơn vị tiếp nhận và cơ quan đang quản lý người được xem xét bỏ nhiệm hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét, bỏ nhiệm. Nhân sự được xem xét bỏ nhiệm có trách nhiệm kê khai, hoàn thiện hồ sơ cá nhân theo yêu cầu của Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ và theo quy định của pháp luật.

Chương III

BỔ NHIỆM LẠI, KÉO DÀI THỜI GIAN GIỮ CHỨC VỤ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ

Điều 11. Thời điểm, thời hạn và nguyên tắc thực hiện bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Thực hiện theo quy định tại điều 49, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; điều 49, điều 51, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 28, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 35, điều 36, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; khoản 12, khoản 13, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và điều 24, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Cấp nào ban hành Quyết định bổ nhiệm thì cấp đó thực hiện việc bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Cán bộ lãnh đạo, quản lý khi hết thời hạn giữ chức vụ bổ nhiệm theo quy định thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải tiến hành quy trình xem xét bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Trường hợp chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phải có văn bản thông báo đề cơ quan, tổ chức và người được xem xét bổ nhiệm lại (kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) biết.

3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý khi hết thời hạn bổ nhiệm, tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 05 năm công tác mà được bổ nhiệm lại thì thời hạn bổ nhiệm được tính đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Trường hợp tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 02 năm công tác, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, nếu đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cho đến thời điểm đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

4. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý đang trong thời hạn thi hành kỷ luật mà không thuộc diện phải xem xét miễn nhiệm, cho từ chức theo Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, thảo luận dân chủ, đánh giá khách quan, thận trọng, kỹ lưỡng, cân nhắc nhiều mặt về phẩm chất, năng lực, uy tín; nguyên nhân, động cơ vi phạm, khuyết điểm và tính chất, mức độ ảnh hưởng, tác động, kết quả khắc phục hậu quả (nếu có),... xem xét, cân nhắc việc bổ nhiệm lại và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Cán bộ lãnh đạo, quản lý không được bổ nhiệm lại (do uy tín giảm sút, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm kỷ luật...) thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc bố trí công tác khác theo nguyên tắc không được bố trí chức vụ tương đương hoặc cao hơn.

6. Không xem xét bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo,

quản lý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có từ 02 năm trở lên được đánh giá, xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

7. Quyết định bổ nhiệm lại hoặc quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải được ban hành trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm ít nhất 01 ngày làm việc. Khi hết thời hạn bổ nhiệm mà chưa có quyết định bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của cấp có thẩm quyền thì không được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ lãnh đạo, quản lý hiện giữ. Việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ lãnh đạo, quản lý đó do cấp có thẩm quyền bổ nhiệm xem xét, quyết định.

8. Chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử; đang bị kiểm tra dấu hiệu vi phạm; đang trong thời gian được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cử đi học tập, công tác ở nước ngoài từ 03 tháng trở lên; đang trong thời gian điều trị nội trú từ 03 tháng trở lên tại các cơ sở y tế hoặc đang trong thời gian nghỉ chế độ thai sản. Kết thúc thời hạn trên, cấp có thẩm quyền xem xét, thực hiện quy trình bổ nhiệm lại đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý; trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm lại thì bố trí công tác khác.

Trường hợp chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thì cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phải có văn bản thông báo để cơ quan, tổ chức và cán bộ lãnh đạo, quản lý biết.

9. Việc bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được tiến hành phù hợp quy định của Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước và yêu cầu của từng địa phương, lĩnh vực, sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, bảo đảm ổn định và hiệu quả thiết thực.

Điều 12. Điều kiện xem xét bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Thực hiện theo quy định tại điều 50, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; điều 50, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; điều 36, điều 49, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; khoản 13, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và điều 25, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ lãnh đạo, quản lý đánh giá là hoàn thành nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ và đáp ứng tiêu chuẩn chức danh bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Địa phương, cơ quan, đơn vị có yêu cầu.

3. Đủ sức khỏe để tiếp tục đảm nhiệm chức vụ.

Điều 13. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm lại

Thực hiện theo quy định tại điều 51, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; điều 52, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 29, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 37, điều 50, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; khoản 14, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và điều 26, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

Chậm nhất 90 ngày trước khi cán bộ lãnh đạo, quản lý hết thời hạn được bổ nhiệm, người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý phải xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền xin chủ trương về việc bổ nhiệm lại.

Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm phải ra thông báo thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý. Sau khi cấp có thẩm quyền nhất trí chủ trương bổ nhiệm lại, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý tổ chức thực hiện quy trình bổ nhiệm lại với các công việc sau:

1. Bước 1: Yêu cầu cán bộ làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ.

2. Bước 2: Tổ chức lấy ý kiến của cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong cơ quan, đơn vị (bằng phiếu kín) đối với nhân sự đề nghị bổ nhiệm lại.

a) Thành phần tham dự:

Tập thể lãnh đạo đơn vị và cấp ủy đảng cùng cấp; người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các phòng, ban và tương đương; người đứng đầu các tổ chức đoàn thể; người đứng đầu các đơn vị trực thuộc và tương đương (nếu có); tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn (đối với các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông);

Đối với đơn vị có dưới 30 người hoặc không có tổ chức cấu thành, thành phần gồm toàn thể công chức, viên chức trong đơn vị (đối với Văn phòng, Phòng Tổ chức - Hành chính, thành phần bổ sung thêm lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ);

b) Trình tự thực hiện:

Cán bộ quản lý được xem xét đề bổ nhiệm lại báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ; hội nghị tham gia góp ý kiến và bỏ phiếu tín nhiệm bằng phiếu kín đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý được xem xét bổ nhiệm lại;

Biên bản hội nghị, biên bản kiểm phiếu được gửi lên cấp có thẩm quyền bổ nhiệm. Kết quả kiểm phiếu không công bố tại hội nghị này;

Đối với đối tượng là Chi cục trưởng và tương đương, Phó Chi cục trưởng và tương đương; Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp thuộc sở, đơn vị sự nghiệp trực thuộc đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố: Sau khi tổ chức Hội nghị lấy ý kiến của cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt trong Chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố: Tập thể lãnh đạo Chi cục và tương đương thuộc sở, ban, ngành; Tập thể lãnh đạo đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận, xem xét, bỏ phiếu kín đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý theo phân cấp thẩm quyền;

3. Bước 3: Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ lấy ý kiến (bằng văn bản) của cấp ủy Đảng đối với nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lại.

a) Đối với đối tượng được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 1:

Lấy ý kiến của Đảng ủy nếu tổ chức Đảng là đảng ủy cơ sở hoặc chi bộ nếu tổ chức đảng là chi bộ cơ sở;

Lấy ý kiến của Đảng ủy cơ quan sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Đối với đối tượng được quy định tại Khoản 3, Điều 1:

Lấy ý kiến của Đảng ủy nếu tổ chức Đảng là Đảng ủy cơ sở hoặc chi bộ nếu tổ chức đảng là chi bộ cơ sở;

4. Bước 4: Tổ chức hội nghị tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận, xem xét, bỏ phiếu kín quyết định hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm lại theo phân cấp quản lý cán bộ.

a) Thành phần tham dự:

Tập thể lãnh đạo sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp thì thành phần như các bước bổ nhiệm tại Phụ lục 1) trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận, xem xét, bỏ phiếu kín quyết định hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với đối tượng được quy định tại Khoản 1, 2 Điều 1 theo phân cấp thẩm quyền;

Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy thảo luận, xem xét, bỏ phiếu kín quyết định bổ nhiệm lại đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tại Khoản 3, Điều 1 và theo phân cấp;

b) Trình tự thực hiện:

Phân tích kết quả lấy phiếu ở hội nghị cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt. Cán bộ quản lý được đề nghị bổ nhiệm lại phải đạt tỷ lệ trên 50% tính trên tổng số người được triệu tập tham gia hội nghị cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt giới thiệu;

Xác minh, kết luận những vấn đề mới nảy sinh (nếu có);

Tập thể lãnh đạo thảo luận, nhận xét, đánh giá và biểu quyết nhân sự bằng phiếu kín (Kết quả kiểm phiếu phải công bố tại hội nghị này). Nhân sự được đề nghị bổ nhiệm lại phải đạt tỷ lệ trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu quyết định; đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định (Cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý được từ 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, bổ nhiệm lại; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định).

5. Bước 5: Căn cứ kết quả bỏ phiếu giới thiệu tại bước 2, bước 4, người đứng đầu cơ quan, đơn vị ban hành Quyết định bổ nhiệm lại theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

Điều 14. Quy trình, thủ tục kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu

Thực hiện theo quy định tại điều 52, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; điều 53, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; điều 38, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và khoản 3, điều 24, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

Chậm nhất 90 ngày trước khi cán bộ lãnh đạo, quản lý hết thời hạn được bổ nhiệm, người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý phải xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền xin chủ trương về việc kéo dài thời gian giữ chức vụ.

Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm, cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải ra thông báo thực hiện việc xem xét kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ quản lý. Sau khi cấp có thẩm quyền nhất trí chủ trương kéo dài thời gian giữ chức vụ, chậm nhất trong thời gian 10 ngày làm việc, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý tổ chức thực hiện quy trình kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý với các công việc sau:

1. Cán bộ lãnh đạo, quản lý làm báo cáo tự nhận xét, đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời gian giữ chức vụ, gửi cấp có thẩm quyền kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

2. Người đứng đầu và tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị thảo luận, xem xét, nêu cán bộ lãnh đạo, quản lý còn sức khỏe, uy tín, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì thống nhất biểu quyết bằng phiếu kín.

Tập thể lãnh đạo sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp và doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố thảo luận, xem xét, bỏ phiếu kín quyết định hoặc đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tại Khoản 1, 2, Điều 1 theo phân cấp.

Ban Thường vụ quận, huyện, thị ủy thảo luận, xem xét, bỏ phiếu kín quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được quy định tại Khoản 3, Điều 1.

Nhân sự được đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải đạt tỷ lệ trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu quyết định; đồng thời báo cáo đầy đủ các ý kiến khác nhau để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. (Cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý được từ 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý thì trình cấp có thẩm quyền xem xét, kéo dài thời gian giữ chức vụ; trường hợp dưới 50% đồng ý thì báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định).

3. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị ra quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu đối với cán bộ quản lý.

Điều 15. Hồ sơ bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Thực hiện theo quy định tại điều 53, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; điều 54, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 30, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ và điều 39, điều 51, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, cụ thể:

1. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm lại thực hiện như quy định đối với hồ sơ bổ nhiệm quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. Hồ sơ đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu, bao gồm:

a) Tờ trình về việc đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đến tuổi nghỉ hưu do người đứng đầu cơ quan, tổ chức ký (đối với trường hợp trình cấp trên có thẩm quyền quyết định) hoặc do người đứng đầu Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ ký (đối với trường hợp người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quyết định);

b) Biên bản họp và kết quả kiểm phiếu đề nghị kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý của tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức;

c) Sơ yếu lý lịch do cá nhân tự khai theo mẫu 2C/TCTW-98, được cơ quan trực tiếp quản lý xác nhận, có dán ảnh màu khổ 4cmx6cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng (đối với người quản lý doanh nghiệp áp dụng theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV);

d) Bản tự nhận xét đánh giá việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ trong thời hạn giữ chức vụ;

đ) Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của cấp có thẩm quyền theo quy định;

e) Nhận xét của chi ủy nơi cư trú đối với bản thân và gia đình. Trường hợp nơi cư trú của bản thân khác với nơi cư trú của gia đình thì phải lấy nhận xét của chi ủy nơi bản thân cư trú và nơi gia đình cư trú.

g) Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định.

h) Giấy chứng nhận sức khỏe của cơ sở y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 06 tháng.

3. Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ của đơn vị có người được xem xét đề nghị bổ nhiệm lại chịu trách nhiệm lập hồ sơ trình bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý. Người được xem xét bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý có trách nhiệm kê khai, hoàn thiện hồ sơ cá nhân theo yêu cầu của Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ và theo quy định của pháp luật.

Chương IV

ĐIỀU ĐỘNG, CHUYỂN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC, BIỆT PHÁI

Điều 16. Mục đích, yêu cầu

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, điều 26, khoản 1, điều 27, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 15, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ và điều 28, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

Việc điều động, chuyển đổi vị trí công tác và biệt phái đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý phải căn cứ vào các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, các Quy định, Kế hoạch của Thành ủy; yêu cầu công tác, quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý; phẩm chất, năng lực, sở trường, uy tín và khả năng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm phát huy, sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; góp phần khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; bảo đảm sự ổn định và phát triển của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Điều 17. Đối tượng, phạm vi và thẩm quyền quyết định điều động, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 26, khoản 4, điều 27, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 15, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 40, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; khoản 15, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và điều 29, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Đối tượng: cán bộ lãnh đạo, quản lý được điều động, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái do yêu cầu công tác theo quyết định của cấp có thẩm quyền, theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng.

2. Phạm vi: điều động, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái trong nội bộ các cơ quan, đơn vị thuộc sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; giữa các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã.

3. Thẩm quyền: thực hiện theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ lãnh đạo, quản lý của Thành phố.

Điều 18. Quy trình điều động, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái

Thực hiện theo quy định tại khoản 3, điều 26, khoản 5, điều 27, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 15, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 41, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và điều 30, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Điều động, chuyển đổi vị trí công tác

a) Căn cứ quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhu cầu công tác, năng lực, sở trường của nhân sự dự kiến điều động, chuyển đổi vị trí công tác cấp có thẩm quyền xây dựng kế hoạch, biện pháp điều động cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi quản lý:

- Lập danh sách cán bộ lãnh đạo, quản lý cần điều động, chuyển đổi vị trí công tác;

- Biện pháp thực hiện cụ thể đối với từng cán bộ lãnh đạo, quản lý;

b) Quy trình điều động, chuyển đổi vị trí công tác thực hiện như trường hợp bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý từ nguồn nhân sự từ nơi khác nêu tại các Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này.

c) Quy trình chuyển đổi vị trí công tác đối với các trường hợp đến kỳ hạn theo hình thức phân công nội bộ thì do thủ trưởng các cơ quan, đơn vị xem xét quyết định theo quy định của pháp luật và quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị mình.

2. Biệt phái

a) Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, nhu cầu công tác và năng lực, sở trường của cán bộ lãnh đạo, quản lý, cấp có thẩm quyền xem xét việc biệt phái cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc phạm vi quản lý;

b) Thời gian biệt phái không quá 03 năm; khi hết thời gian biệt phái thì cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nơi cử cán bộ lãnh đạo, quản lý đi biệt phái đánh giá, nhận xét và xem xét, quyết định việc kết thúc hoặc gia hạn thời gian biệt phái đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý;

c) Quy trình biệt phái:

Tập thể lãnh đạo nơi cán bộ lãnh đạo, quản lý đang công tác thực hiện các bước sau:

- Bước 1: Thảo luận, thống nhất về dự kiến biệt phái cán bộ lãnh đạo, quản lý (nếu nhân sự do cơ quan tiếp nhận cán bộ lãnh đạo, quản lý đề nghị) hoặc trao đổi, lấy ý kiến của tập thể lãnh đạo nơi tiếp nhận cán bộ lãnh đạo, quản lý biệt phái (nếu nhân sự do cơ quan nơi cán bộ lãnh đạo, quản lý đang công tác giới thiệu);

- Bước 2: Gặp cán bộ lãnh đạo, quản lý để trao đổi về chủ trương biệt phái và yêu cầu nhiệm vụ cụ thể;

- Bước 3: Quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 19. Bảo đảm chế độ, chính sách đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý được điều động, chuyển đổi vị trí công tác, biệt phái

Thực hiện theo quy định tại điều 28, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 15, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 44, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và điều 31, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để cán bộ lãnh đạo, quản lý được điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác sớm ổn định công tác và sinh hoạt.

2. Cán bộ lãnh đạo, quản lý được điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đến vị trí công tác khác mà phụ cấp chức vụ mới thấp hơn phụ cấp chức vụ hiện đang đảm nhiệm thì được bảo lưu phụ cấp chức vụ trong thời gian 06 tháng.

3. Cơ quan, tổ chức cử cán bộ lãnh đạo, quản lý biệt phái có trách nhiệm trả lương và bảo đảm các quyền lợi khác của công chức trong thời gian được cử biệt phái, bố trí công việc phù hợp cho công chức khi hết thời hạn biệt phái.

4. Cán bộ lãnh đạo, quản lý được điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác đến những nơi có khó khăn được ưu tiên giải quyết trước thời hạn một số chế độ, chính sách theo quy định của Đảng, Nhà nước và của Thành phố.

Chương V

**TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM VÀ BỐ TRÍ CÁN BỘ
LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ SAU KHI TỪ CHỨC, MIỄN NHIỆM**

Điều 20. Nguyên tắc, thẩm quyền cho từ chức, miễn nhiệm và bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi cho từ chức, miễn nhiệm

Thực hiện theo quy định tại điều 32, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Cấp nào ra quyết định bổ nhiệm thì cấp đó xem xét, quyết định việc cho từ chức, miễn nhiệm, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi cho từ chức, miễn nhiệm.

2. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng; kịp thời thay thế những cán bộ lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật, năng lực hạn chế, uy tín giảm sút mà không chờ hết thời hạn bổ nhiệm, thực hiện phương châm “có vào, có ra, có lên, có xuống” trong công tác cán bộ, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật có

cơ hội sửa chữa, khắc phục khuyết điểm, tiếp tục phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện. Khuyến khích cán bộ lãnh đạo, quản lý bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách mà năng lực hạn chế, uy tín giảm sút tự nguyện xin từ chức; nếu không tự nguyện xin từ chức thì cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm theo quy định.

3. Kiên quyết, kịp thời xem xét cho từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý khi có đủ căn cứ. Không thực hiện việc cho từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc trường hợp phải miễn nhiệm.

Điều 21. Từ chức, cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý

Thực hiện theo quy định tại điều 65, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 31, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; khoản 1, khoản 2, điều 54, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; khoản 17, khoản 19, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và điều 34, điều 35, điều 37, theo Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Việc xem xét cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Do hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao;

b) Đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra sai phạm nghiêm trọng; đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng;

c) Có trên 50% số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định;

Đối tượng, quy trình, thủ tục lấy phiếu tín nhiệm thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền;

d) Do không đủ sức khỏe hoặc vì các lý do chính đáng khác;

đ) Bị kỷ luật chưa đến mức phải xem xét miễn nhiệm nhưng tự nguyện xin từ chức;

e) Theo yêu cầu nhiệm vụ.

2. Việc xem xét từ chức liên quan đến trách nhiệm của người đứng đầu khi cấp có thẩm quyền kết luận đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách xảy ra tham nhũng, tiêu cực; căn cứ vào một trong các trường hợp sau:

a) Người đứng đầu lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để dung túng, bao che, tiếp tay cho tham nhũng, tiêu cực thì tùy tính chất, mức độ sai phạm để xem xét cho từ chức;

b) Cho từ chức đối với người đứng đầu khi đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực nghiêm trọng.

3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý không được từ chức, xin thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đang đảm nhận nhiệm vụ quốc phòng, an ninh quốc gia; đang đảm nhận nhiệm vụ trọng yếu, cơ mật; phòng chống thiên tai, dịch bệnh; nếu từ chức, thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý ngay sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích chung của Đảng và Nhà nước;

b) Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật.

4. Quy trình:

a) Cán bộ lãnh đạo, quản lý có đơn trình bày lý do, nguyện vọng xin từ chức, thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý báo cáo cấp có thẩm quyền (thông qua Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ);

b) Chậm nhất sau 10 ngày kể từ ngày nhận đơn đề nghị từ chức (xin thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý) của cán bộ lãnh đạo, quản lý, Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ hoặc người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi cán bộ lãnh đạo, quản lý đang công tác phải trao đổi với cán bộ lãnh đạo, quản lý có đơn đề nghị. Trường hợp cán bộ lãnh đạo, quản lý rút đơn thì dừng việc xem xét; trường hợp cán bộ lãnh đạo, quản lý không rút đơn thì Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ xem xét, đề xuất với cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ;

c) Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ có văn bản đề xuất, tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín. Việc quyết định đề cán bộ lãnh đạo, quản lý từ chức phải được trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ.

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý: Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, thảo luận, tập hợp hồ sơ, tài liệu có liên quan và có văn bản báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. Sau khi có thông báo kết luận của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố, lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ phân cấp quản lý cán bộ, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định.

5. Khi đơn từ chức chưa được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đồng ý thì cán bộ lãnh đạo, quản lý có đơn từ chức vẫn phải tiếp tục thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Điều 22. Miễn nhiệm

Thực hiện theo quy định tại điều 66, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 32, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; khoản 18, điều 1, Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ và điều 33, điều 35, điều 37, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Việc xem xét miễn nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Bị kỷ luật cảnh cáo hoặc khiển trách nhưng uy tín giảm sút không thể đảm nhiệm chức vụ được giao;
- b) Bị kỷ luật khiển trách, cảnh cáo hai lần trở lên trong thời hạn bổ nhiệm;
- c) Có 2/3 số phiếu tín nhiệm thấp tại kỳ lấy phiếu theo quy định;
- d) Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ;
- đ) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”; vi phạm những điều đảng viên không được làm; vi phạm trách nhiệm nêu gương, ảnh hưởng xấu đến uy tín của bản thân và cơ quan, đơn vị nơi đang công tác;
- e) Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm tiêu chuẩn chính trị theo quy định về bảo vệ chính trị nội bộ của Đảng đến mức phải miễn nhiệm.

2. Miễn nhiệm đối với người đứng đầu khi đề cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý, phụ trách hoặc cấp dưới trực tiếp xảy ra tham nhũng, tiêu cực rất nghiêm trọng.

3. Quy trình xem xét miễn nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý:

a) Khi có đủ căn cứ miễn nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý quy định tại khoản 1 Điều này, người đứng cơ quan trực tiếp sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý hoặc Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ đề xuất với cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ;

b) Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất việc miễn nhiệm, tập thể lãnh đạo cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phải thảo luận, biểu quyết bằng phiếu kín. Việc quyết định miễn nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý phải được trên 50% tổng số thành viên tập thể lãnh đạo đồng ý; trường hợp nhân sự đạt tỷ lệ 50% thì do người đứng đầu quyết định theo phân cấp quản lý cán bộ;

Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý: Tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị xem xét, thảo luận, tập hợp hồ sơ, tài liệu có liên quan và có văn bản báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định. Sau khi có thông báo kết luận của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố, lãnh đạo cơ quan, đơn vị căn cứ phân cấp quản lý cán bộ, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền (qua Sở Nội vụ) xem xét, quyết định.

4. Cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi bị miễn nhiệm thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức bố trí công tác phù hợp; cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi bị miễn nhiệm có trách nhiệm chấp hành quyết định phân công của cấp có thẩm quyền. Trường hợp cán bộ lãnh đạo, quản lý bị miễn nhiệm do xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong hai năm liên tiếp thì cơ quan có thẩm quyền cho thôi việc theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Hồ sơ xem xét cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, miễn nhiệm

Thực hiện theo quy định tại điều 67, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 32, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ, cụ thể:

1. Tờ trình của Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ.
2. Các văn bản có liên quan: Quyết định, văn bản kết luận, ý kiến của cơ quan có thẩm quyền, đơn đề nghị của cán bộ lãnh đạo, quản lý...
3. Biên bản hội nghị và biên bản kiểm phiếu.
4. Văn bản của lãnh đạo cơ quan, đơn vị báo cáo cấp ủy Đảng có thẩm quyền về việc cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, miễn nhiệm.
5. Thông báo kết luận của cấp ủy Đảng có thẩm quyền về việc cho từ chức, cho thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, miễn nhiệm.
6. Văn bản trình cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ xem xét, quyết định.

Điều 24. Việc bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi cho từ chức, thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, miễn nhiệm

Thực hiện theo quy định tại điều 56, Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ; điều 68, Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ; khoản 3, điều 54, Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ; khoản 33, điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ; điều 36, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội, cụ thể:

1. Cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi từ chức, xin thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, miễn nhiệm có thể tự nguyện xin nghỉ hưu trước tuổi nếu đủ điều kiện theo quy định hoặc nghỉ công tác.
 2. Cán bộ lãnh đạo, quản lý tự nguyện xin từ chức, thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và có nguyện vọng tiếp tục công tác thì thực hiện như sau:
 - a) Trường hợp thời gian công tác còn dưới 05 năm:
 - Cán bộ lãnh đạo, quản lý là cấp ủy viên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí công tác phù hợp với từng trường hợp cụ thể (nếu cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia nhiều cấp ủy thì tính theo cấp ủy cao nhất);
 - Các trường hợp cán bộ lãnh đạo, quản lý khác thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý), được giữ nguyên ngạch công chức, viên chức đã bổ nhiệm;
 - b) Trường hợp thời gian công tác còn từ 5 năm trở lên:
 - Cán bộ lãnh đạo, quản lý tự nguyện xin từ chức, xin thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý do bị kỷ luật, năng lực hạn chế, uy tín giảm sút:

+ Trường hợp là cấp ủy viên thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí công tác phù hợp với từng trường hợp cụ thể (nếu cán bộ lãnh đạo, quản lý tham gia nhiều cấp ủy thì tính theo cấp ủy cao nhất);

+ Các trường hợp khác thì cấp có thẩm quyền căn cứ tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét từng trường hợp cụ thể để bố trí công tác theo hướng giảm một cấp so với chức vụ khi từ chức;

Sau 24 tháng công tác ở vị trí mới, nếu được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ lãnh đạo, quản lý (ở vị trí công tác mới) đánh giá khắc phục tốt những sai phạm, khuyết điểm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm lại chức danh đã đảm nhiệm hoặc tương đương;

- Cán bộ lãnh đạo, quản lý tự nguyện xin từ chức, xin thôi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý vì lý do chính đáng của cá nhân hoặc các trường hợp khác (không thuộc mục a khoản này) thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào năng lực, đạo đức, kinh nghiệm để xem xét, bố trí công tác phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi miễn nhiệm, nếu có nguyện vọng tiếp tục công tác thì cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí làm công tác chuyên môn (không làm công tác lãnh đạo, quản lý). Sau 30 tháng công tác ở vị trí mới, nếu được cấp có thẩm quyền quản lý cán bộ lãnh đạo, quản lý (ở vị trí công tác mới) đánh giá khắc phục tốt những sai phạm, khuyết điểm, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì được cấp có thẩm quyền xem xét quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử theo quy định.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 25. Giao nhiệm vụ cho các cơ quan, đơn vị

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, điều 33, Nghị định số 29/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ; điều 38, Quy định số 12-QĐ/TU ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Thành ủy Hà Nội và cụ thể hóa nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị, cụ thể:

1. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan, theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, Tổng Công ty, Công ty TNHH một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Thành phố thực hiện Quy định này.

2. Căn cứ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện chức vụ lãnh đạo, quản lý theo ngành, lĩnh vực, tình hình cụ thể của cơ quan, đơn vị và Quy định này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã chỉ đạo xây dựng:

a) Quy trình bổ nhiệm trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc đối tượng quy định tại điểm c, d khoản 2 và điểm c, d khoản 3 Điều 1 Quy định này, đảm bảo phù hợp, theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các quyết định về công tác quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý, điều động, biệt phái, chuyển đổi vị trí công tác, miễn nhiệm, cho từ chức và bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý sau khi miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý theo phân cấp.

b) Quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm thuộc cơ quan, đơn vị mình. Hoàn thành trước ngày 01 tháng 5 năm 2025.

3. Đối với các Hội được giao biên chế thì việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý thực hiện theo Điều lệ của hội và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý diện Ban Thường vụ Quận, huyện, thị ủy quản lý thì quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, biệt phái, từ chức, miễn nhiệm... thực hiện theo quy định tại Quy định này và Quy định về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử của các Quận, huyện, thị ủy.

Điều 26. Điều khoản thi hành

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề, thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc không phù hợp với thực tế cần điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định./.